

THÚC ĐẨY THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM TRONG CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI VIỆT NAM

■ TS. TRẦN MINH SƠN*

Trong những năm vừa qua, nhờ có việc ban hành hàng loạt cơ chế, chính sách và triển khai nhiều giải pháp tích cực, môi trường kinh doanh của Việt Nam đã có sự chuyển biến tích cực; khơi dậy tinh thần doanh nhân và sự đăng ký quay trở lại hoạt động mạnh mẽ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới và số lượng doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động quay trở lại hoạt động tăng lên. Trong một vài năm gần đây, xu hướng phát triển các mô hình kinh doanh khởi nghiệp sáng tạo (startup) diễn ra sôi động, tập trung vào một số lĩnh vực như: Xây dựng, chế biến, chế tạo, công nghiệp ô tô, vận tải hàng không, tài chính, ngân hàng... Hiện nay, có hơn 3.000 công ty khởi nghiệp sáng tạo đang hoạt động, trong đó có nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa thành công. Cùng với sự bùng nổ về số lượng, khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa đã thể

hiện vai trò và những đóng góp quan trọng thúc đẩy sự “chuyển mình” và “cất cánh” của nền kinh tế. Doanh nghiệp nhỏ và vừa đã góp phần quan trọng trong chuyển dịch về cơ cấu ngành nghề thông qua tạo việc làm, thu hút lao động từ lĩnh vực nông nghiệp, tham gia đầu tư vào các thị trường ngách, thúc đẩy phát triển kinh doanh có trách nhiệm trong cộng đồng doanh nghiệp.

1. Thực tiễn và vai trò của doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam

1.1. Khái quát về doanh nghiệp nhỏ và vừa

Doanh nghiệp nhỏ và vừa là tên gọi tắt của doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa được đánh giá theo tiêu chí về vốn, nguồn nhân công lao động và doanh thu sản phẩm. Theo tiêu chí của Nhóm Ngân hàng Thế giới, doanh nghiệp siêu nhỏ là doanh nghiệp có số lượng lao động dưới 10 người, doanh nghiệp nhỏ có số lượng lao động từ 10 đến dưới 200 người

và nguồn vốn 20 tỷ trở xuống, còn doanh nghiệp vừa có từ 200 đến 300 lao động nguồn vốn 20 đến 100 tỷ. Ở Việt Nam, doanh nghiệp vừa là có từ 200 đến 300 nhân công lao động, từ 10 đến 20 người lao động là doanh nghiệp nhỏ và dưới 10 người được coi là doanh nghiệp siêu nhỏ. Doanh nghiệp nhỏ và vừa còn được biết đến với tên SME, SMEs hay SME là viết tắt của cụm từ Small and Medium Enterprise khi được dịch sang tiếng Việt cụm từ này có nghĩa là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Như vậy, doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật được chia thành 03 cấp: Siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy mô tổng nguồn vốn hoặc số lao động bình quân sử dụng theo năm.

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường chiếm tỷ trọng lớn, thậm chí “áp đảo” trong tổng số doanh nghiệp. Hiện nay, có tổng số 95% các doanh nghiệp đăng ký hoạt động tại Việt Nam hoạt động dưới mô hình này. Vì thế, đóng góp của họ vào tổng sản lượng và tạo việc làm là rất đáng kể, cụ thể như sau:

Thứ nhất, giữ vai trò ổn định nền kinh tế: Ở phần lớn các nền kinh

tế, các doanh nghiệp nhỏ và vừa là những nhà thầu phụ cho các doanh nghiệp lớn. Sự điều chỉnh hợp đồng thầu phụ tại các thời điểm cho phép nền kinh tế có được sự ổn định. Vì thế, doanh nghiệp nhỏ và vừa được ví là “thanh giảm xóc” cho nền kinh tế.

Thứ hai, làm cho nền kinh tế trở nên năng động: Vì doanh nghiệp nhỏ và vừa có quy mô nhỏ nên dễ điều chỉnh và thay đổi phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế.

Thứ ba, tạo nên ngành công nghiệp và dịch vụ phụ trợ quan trọng: Doanh nghiệp nhỏ và vừa thường chuyên môn hóa vào sản xuất một vài chi tiết được dùng để lắp ráp thành một sản phẩm hoàn chỉnh.

Thứ tư, là trụ cột của kinh tế địa phương: Nếu như doanh nghiệp lớn thường đặt cơ sở ở những trung tâm kinh tế của đất nước, thì doanh nghiệp nhỏ và vừa lại có mặt ở khắp các địa phương và là người đóng góp quan trọng vào thu ngân sách, vào sản lượng và tạo việc làm ở địa phương.

Thứ năm, đóng góp không nhỏ giá trị GDP cho quốc gia: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm một lượng lớn trong tổng số các doanh nghiệp trong một quốc gia, khu vực và trên

toàn thế giới. Với khả năng sử dụng trên 50% tổng số lao động xã hội hiện nay và tạo ra khối lượng việc làm lớn lên tới 65% cho người lao động trên toàn cầu. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường tận dụng nhân công tại địa phương để sử dụng nhờ đó giải quyết rất nhiều bài toán nhân lực cho cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, bên cạnh đó, xét về quy mô, các doanh nghiệp nhỏ và vừa có quy mô vốn khá hạn hẹp và thường không tiếp cận với nguồn vốn lớn từ các ngân hàng đầu tư. Điều này gây ra hạn chế trong việc đổi mới trang thiết bị và xúc tiến phát triển công việc cho các doanh nghiệp này.

Doanh nghiệp nhỏ có sự cạnh tranh gắt gao với các công ty tập đoàn lớn cùng làm dịch vụ với nhau. Bởi vậy, các doanh nghiệp nhỏ thường gặp thua thiệt trong việc chiếm lĩnh thị trường đặc biệt ở những khu vực nước ngoài. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực thương mại mà không tập trung vào sản xuất và chế biến. Chủ yếu là các ngành, nghề liên quan đến mua bán, sản xuất đồ dùng, các loại dịch vụ và phân bố hàng tiêu dùng.

1.2. Vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Nếu tiếp cận ở khía cạnh chính vai trò đối với kinh tế và vai trò đối với xã hội thì doanh nghiệp nhỏ và vừa có vị trí rất quan trọng trong nền kinh tế mỗi quốc gia, thể hiện trong quá trình tăng trưởng kinh tế ở mức độ quốc gia hay các vùng, miền, kể cả ở các quốc gia phát triển và đang phát triển. Ở mỗi nền kinh tế có đặc điểm phát triển khác nhau thì vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng được thể hiện ở các mức độ khác nhau.

- Vai trò đối với nền kinh tế: Cho đến nay, tại hầu hết các nước trên thế giới, doanh nghiệp nhỏ và vừa đã được thừa nhận rộng rãi là có vai trò về kinh tế hết sức quan trọng trong mạng sản xuất toàn cầu, chuỗi cung ứng hàng hóa và dịch vụ trên thế giới. Điều này được thể hiện ở những nội dung cụ thể sau:

+ Góp phần quan trọng tạo động lực tăng trưởng cho nền kinh tế

Doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất và cung cấp ra thị trường nhiều loại hàng hóa khác nhau để đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của thị trường trong và ngoài nước, tạo ra lợi nhuận cho bản thân doanh nghiệp, góp phần tạo giá trị gia tăng cho toàn xã hội và làm tăng GDP cho quốc gia. Bên cạnh đó, sự tham gia

của doanh nghiệp nhỏ và vừa vào sản xuất và kinh doanh cũng góp phần làm cho số lượng và chủng loại sản phẩm và dịch vụ phong phú và đa dạng hơn rất nhiều. Điều này dẫn tới việc môi trường kinh doanh ngày càng được phát triển theo hướng khuyến khích hoạt động sản xuất và kinh doanh ngày càng có hiệu quả hơn, tạo ra sức ép cạnh tranh đối với tất cả các doanh nghiệp, tạo ra động lực thúc đẩy hoạt động cải tiến quy trình sản xuất và phân phối trong đó sử dụng các yếu tố đầu vào hiệu quả nhất để tạo ra những sản phẩm và dịch vụ có chất lượng cao với chi phí thấp và đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường.

Để thấy rõ hơn vai trò của các doanh nghiệp trong việc đóng góp vào tăng trưởng chung của nền kinh tế, trên thế giới cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu nhằm xác định xem giữa các doanh nghiệp nhỏ và các doanh nghiệp lớn, đối tượng nào có tốc độ tăng trưởng cao hơn. Nhiều nghiên cứu về vấn đề này đã đi đến nhận định là các doanh nghiệp càng lớn và đã thành lập càng lâu thì có tỷ lệ thất bại và đi đến đóng cửa càng thấp và các doanh nghiệp nhỏ có tỷ lệ tăng trưởng cao hơn so với tỷ lệ tăng trưởng của các doanh nghiệp lớn.

Tuy nhiên, mối quan hệ giữa quy mô doanh nghiệp và số năm thành lập với mức tăng trưởng của các doanh nghiệp của châu Âu lại phần nào kém rõ ràng hơn so với trường hợp của Mỹ khi có một số công trình nghiên cứu cho rằng, không có mối quan hệ giữa quy mô doanh nghiệp và tỷ lệ tăng trưởng.

Mặc dù vậy, nhìn chung từ các công trình nghiên cứu đối với các nước châu Âu, có thể đi đến nhận định chung là: Các doanh nghiệp nhỏ có tỷ lệ tăng trưởng cao hơn so với các doanh nghiệp lớn; các doanh nghiệp mới thành lập có tỷ lệ tăng trưởng cao hơn so với các doanh nghiệp đã thành lập lâu năm; các doanh nghiệp nhỏ và mới thành lập thậm chí còn có tỷ lệ tăng trưởng cao hơn trong những ngành sử dụng nhiều công nghệ; các doanh nghiệp nhỏ có khả năng thất bại và đi đến đóng cửa cao hơn các doanh nghiệp lớn; các doanh nghiệp mới thành lập khả năng thất bại và đi đến đóng cửa cao hơn các doanh nghiệp đã thành lập lâu năm; các doanh nghiệp nhỏ và mới thành lập thậm chí còn có khả năng thất bại và đi đến đóng cửa cao hơn ở những ngành sử dụng nhiều công nghệ.

+ Khuyến khích sáng tạo và nuôi dưỡng tinh thần kinh doanh:

Trải qua quá trình thực tế tham gia vào cạnh tranh, bên cạnh những doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp thất bại và bị sàng lọc thì sẽ có không ít các doanh nghiệp khác dần trưởng thành và phát triển. Với quy mô doanh nghiệp nhỏ và vừa nên hoạt động của đa số các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường rất năng động và có thể thay đổi nhanh chóng để đáp ứng với những biến động của thị trường, sẵn sàng đầu tư vào những lĩnh vực mới, công nghệ mới có mức độ rủi ro cao.

Quá trình phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa chính là quá trình tích tụ vốn, tìm kiếm và mở rộng quy mô sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm, nâng cao trình độ quản lý... để dần trở thành doanh nghiệp quy mô lớn. Trong thực tế, hầu hết các doanh nghiệp quy mô lớn ở các nước phát triển hay những tập đoàn đa quốc gia thường bắt đầu khởi nghiệp từ quy mô của một doanh nghiệp nhỏ.

Nhiều công trình nghiên cứu đã cho thấy, ở một số ngành, các doanh nghiệp nhỏ và vừa mang tính sáng tạo cao hơn so với các doanh nghiệp

quy mô lớn và điều này được thể hiện rõ ràng nhất qua phân tích các số liệu liên quan tới bằng sáng chế của các doanh nghiệp.

Trên thực tế, việc các doanh nghiệp nhỏ được coi là địa chỉ “nuôi dưỡng tinh thần” kinh doanh chưa được nghiên cứu nhiều, ở một số ngành, các doanh nghiệp nhỏ có thể là nơi có môi trường thuận lợi hơn so với các doanh nghiệp lớn trong việc khuyến khích nhu cầu muốn kinh doanh. Đồng thời, các doanh nghiệp được thành lập bởi những người có kinh nghiệm kinh doanh ở các doanh nghiệp nhỏ cũng có mức độ thành công không thua kém gì so với các doanh nghiệp được hình thành bởi những người sáng lập đã làm việc trong các doanh nghiệp lớn với đầy đủ kinh nghiệm kinh doanh.

+ Góp phần quan trọng tạo công ăn việc làm:

Thống kê ở hầu hết các nước cho thấy, doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số các doanh nghiệp của quốc gia đó và tỷ lệ lao động làm việc cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong tổng số lao động ngày càng tăng lên trong nhiều thập kỷ qua. Tại các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển

kinh tế châu Âu (OECD), tỷ lệ của lao động làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tổng số lao động đã tăng lên kể từ những năm 1980 đến nay. Điều này trái ngược với những năm trước 1970, khi tỷ lệ lao động trong các doanh nghiệp nhỏ có xu hướng giảm ở các nước công nghiệp. Trong khi đó, tại nhiều nước đang phát triển, tỷ lệ của lao động làm việc cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tổng số lao động cũng có xu hướng tăng lên.

Cho đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về vai trò tạo việc làm của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên thế giới và so sánh với các doanh nghiệp quy mô lớn. Các nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng, tại Mỹ, các doanh nghiệp nhỏ tạo ra nhiều chỗ làm hơn và cũng đồng thời làm mất đi nhiều việc làm hơn so với phần còn lại của nền kinh tế, ngầm khẳng định mức độ biến động cao hơn của việc làm tại các doanh nghiệp nhỏ. Các nghiên cứu cũng đi đến kết luận là tại Nga và nhiều nước OECD, tỷ lệ tạo việc làm ròng của các doanh nghiệp nhỏ cũng dường như cao hơn tỷ lệ của các doanh nghiệp lớn. Tuy nhiên, khi thành lập, tỷ lệ tạo việc làm ròng của các doanh nghiệp lớn

cao hơn tỷ lệ của các doanh nghiệp nhỏ nhưng nghiên cứu này cũng cho thấy, tổng số lao động được tạo ra và mất đi ở các doanh nghiệp nhỏ là cao hơn so với các doanh nghiệp lớn. Nhiều công trình nghiên cứu khác phân tích các số liệu của những nước châu Âu như Thụy Điển, Phần Lan, Na Uy, Hà Lan và cả ở Đức đã cho thấy những kết quả khá giống với các công trình nghiên cứu về vấn đề này của châu Âu như đã được nêu ở trên.

+ Góp phần tạo thu nhập cho người lao động:

Một vấn đề khác nổi lên khi xem xét vai trò tạo việc làm của doanh nghiệp nhỏ và vừa, đó là chất lượng của những chỗ làm mà các doanh nghiệp này tạo ra. Có rất nhiều công trình nghiên cứu cho thấy, ở cả các nước phát triển và đang phát triển, các doanh nghiệp lớn cung cấp việc làm với mức lương cao hơn so với các doanh nghiệp nhỏ, kể cả khi những khác biệt về trình độ đào tạo và kinh nghiệm, tính chất của ngành đã được xem xét. Các doanh nghiệp lớn được xác định là không chỉ tạo ra việc làm với mức tiền công cao hơn, mà còn cung cấp nhiều lợi ích khác tốt hơn, như các kế hoạch tiền hưu trí, bảo hiểm nhân thọ, y tế và tai nạn.

Hơn nữa, các doanh nghiệp lớn ở hầu hết các nước đều có những điều kiện lao động tốt hơn và điều này đặc biệt đúng đối với các nước đang phát triển. Ngoài ra, những việc làm được các doanh nghiệp lớn tạo ra nhìn chung có mức độ bảo đảm tốt hơn so với những chỗ làm do các doanh nghiệp nhỏ và vừa tạo nên, vì tỷ lệ ngừng hay giã tiến độ sản xuất của các doanh nghiệp lớn là thấp hơn rất nhiều so với của các doanh nghiệp nhỏ.

Dựa trên số liệu cho thấy, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trả lương và các khoản ngoài lương thấp hơn so với các doanh nghiệp quy mô lớn. Từ đó đi đến kết luận là: “Những người lao động ở các doanh nghiệp lớn nhận được lương cao hơn, và thực tế này không thể được lý giải hoàn toàn bởi sự khác biệt của chất lượng lao động, của ngành, nghề, điều kiện làm việc hay tình trạng hoạt động của hiệp hội. Những lao động ở các doanh nghiệp lớn còn được hưởng những lợi ích tốt hơn về sự bảo đảm của công việc so với những người làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ”.

- Vai trò xã hội của doanh nghiệp nhỏ và vừa: Không chỉ có những đóng góp quan trọng về khía cạnh kinh tế,

doanh nghiệp nhỏ và vừa còn có vai trò về khía cạnh xã hội rất lớn, là khu vực đem lại nhiều lợi ích xã hội cho quốc gia, đặc biệt là cho những đối tượng dễ bị tổn thương. Điều này được thể hiện thông qua những nội dung sau:

+ Tạo việc làm và thu nhập cho những người yếu thế trong xã hội

Vì doanh nghiệp nhỏ và vừa đòi hỏi ít vốn khi thành lập và hoạt động chủ yếu trong những ngành sử dụng nhiều lao động, trong khi số lượng các doanh nghiệp này là rất lớn và thường chiếm tỷ lệ lớn nhất trong tổng số doanh nghiệp của các quốc gia nên đây là địa chỉ tạo ra số lượng việc làm nhiều nhất, đóng góp quan trọng vào việc giải quyết vấn đề thất nghiệp cũng như nhiều vấn đề xã hội khác, mang lại lợi ích cho bản thân người lao động, cho doanh nghiệp và cho toàn xã hội.

Không những vậy, doanh nghiệp nhỏ và vừa thường là nơi tuyển dụng quan trọng đối với những nhóm người gặp nhiều khó khăn trong nỗ lực tìm kiếm việc làm tại thị trường lao động chính thức. Trong số những người này, có nhiều người có trình độ học vấn, kỹ năng và tay nghề thấp, những người nghèo hoặc

có hoàn cảnh gia đình khó khăn, những phụ nữ đang phải chăm sóc con nhỏ và những người già hoặc người tàn tật...

Theo số liệu do Tổ chức Lao động Quốc tế thu thập được thì tại hơn một nửa các quốc gia có thông tin liên quan đến vấn đề giới tính, phụ nữ chiếm tỷ lệ tham gia trong các doanh nghiệp nhỏ và ở khu vực phi chính thức cao hơn so với nam giới. Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, trên thực tế, tầm quan trọng của khu vực phi chính thức đối với phụ nữ có thể cao hơn so với số liệu thu thập được. Cũng giống như nhiều phụ nữ, nhiều người thuộc nhóm dễ tổn thương như người nghèo, người trẻ, người già, người tàn tật... thường làm việc trong khu vực phi chính thức do họ thiếu nền tảng giáo dục và những nguồn lực, do đó, họ thường tập trung vào những công việc đơn giản và không đòi hỏi nhiều yêu cầu khi tuyển dụng.

+ Đào tạo nghề cho những nhóm người dễ bị tổn thương:

Không chỉ góp phần tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, doanh nghiệp nhỏ và vừa còn đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo cho những người được tuyển dụng,

và điều này là đặc biệt quan trọng đối với những người thuộc nhóm dễ bị tổn thương. Nhiều người lao động vì những hoàn cảnh khó khăn khác nhau mà không được học tập và đào tạo ở những trường, lớp chính thức, những khóa đào tạo chính quy hoặc không chính quy. Việc đào tạo thông qua thực tế làm việc là đặc biệt quan trọng đối với những nhóm người này, vì đây thường được xem là điều kiện tiên quyết để có được sự bảo đảm về việc làm và cùng với những kinh nghiệm thu nhận được trong quá trình làm việc sau đó sẽ tạo nên nền tảng tốt cho người lao động và có thể sau này là chủ doanh nghiệp. Các chủ doanh nghiệp ở châu Phi coi những gì thu nhận được trong thời gian học việc là những kinh nghiệm quan trọng nhất, quan trọng hơn cả việc được học hành chính quy và những hình thức đào tạo khác. Mặc dù vậy, trong nhiều trường hợp, những gì thu nhận được trong thời gian học nghề được xem là những kiến thức về những công việc đòi hỏi ít kỹ năng hơn là những kiến thức tạo cơ sở cho sự cải tiến và sáng tạo.

+ Trở thành “vùng đệm” cho nền kinh tế khi gặp khủng hoảng:

Hiện nay, nền kinh tế của hầu hết các quốc gia đã hội nhập ở mức độ cao với nền kinh tế quốc tế. Hầu hết các nước đều có mối quan hệ kinh tế gắn bó chặt chẽ với nền kinh tế khu vực và thế giới. Trong khi đó, lịch sử đã cho thấy chu kỳ kinh doanh (hay còn gọi là chu kỳ kinh tế) là quá trình biến động của nền kinh tế qua các giai đoạn có tính lặp lại và không phải là sản phẩm của riêng nền kinh tế nào, của riêng quốc gia nào. Chính vì vậy, có thể xem khủng hoảng, suy thoái kinh tế lặp đi lặp lại theo chu kỳ như một quy luật khách quan, vận hành theo một cơ chế cơ bản tương tự nhau với một số khác biệt tùy theo bối cảnh từng nước và từng thời kỳ. Trong những thời điểm diễn ra khủng hoảng hay suy thoái kinh tế, các doanh nghiệp từ nhỏ đến lớn hầu hết đều chịu tác động và trải qua quá trình điều chỉnh và những doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả lại bị loại trừ. Trong quá trình điều chỉnh và tái cơ cấu, nền kinh tế sẽ phải đối mặt với tình trạng hàng loạt nhân công bị sa thải, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao và hàng loạt vấn đề kinh tế - xã hội khác.

Tuy nhiên, doanh nghiệp nhỏ và vừa với khả năng điều chỉnh nhanh

trong hoạt động của mình, dễ thích ứng với những thay đổi của thị trường, với tính linh hoạt trong việc cắt giảm và tuyển dụng nhân công sẽ đóng vai trò là “vùng đệm”, là “bộ phận giảm xóc” cho nền kinh tế, giúp giảm bớt mức độ ảnh hưởng của khủng hoảng hay suy thoái kinh tế và tạo điều kiện để nền kinh tế sớm hồi phục và tăng trưởng trở lại. Ra đời và tồn tại tất yếu trong nền kinh tế, đóng vai trò quan trọng đối với các quốc gia và khu vực nhưng các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn cần có chính sách nhằm trợ giúp nhằm duy trì sự tồn tại và phát triển. Điều này một mặt bắt nguồn từ những đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng đồng thời cũng xuất phát từ những thất bại của thị trường và của Nhà nước liên quan đến loại hình doanh nghiệp này.

2. Kinh doanh có trách nhiệm trong cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa

Hiện tại, doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm trên 95% tổng các doanh nghiệp ở Việt Nam, sử dụng 51% lao động xã hội và đóng góp hơn 40% GDP, 30% tổng thu ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, việc thực hiện trách nhiệm xã hội ở các doanh nghiệp nhỏ

và vừa chưa thực sự rõ ràng về tiêu chí, tiêu chuẩn và cách thức triển khai, áp dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh, cụ thể:

- Chưa quan tâm đến việc thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp do nhận thức, kiến thức còn hạn chế. Theo số liệu thống kê, có tới 55,63% số chủ doanh nghiệp có trình độ học vấn từ trung cấp trở xuống, trong đó 43,3% chủ doanh nghiệp có trình độ học vấn từ sơ cấp và phổ thông các cấp. Cụ thể, tiến sỹ chỉ chiếm 0,66%; thạc sỹ chiếm 2,33%; tốt nghiệp đại học chiếm 37,82%; tốt nghiệp cao đẳng chiếm 3,56%; tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp chiếm 12,33% và 43,3% có trình độ thấp hơn. Về lực lượng lao động, có tới 75% lực lượng lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa qua đào tạo chuyên môn, kỹ thuật; việc thực hiện chưa đầy đủ các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động đã làm giảm đi chất lượng công việc trong khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ².

- Doanh nghiệp nhận thức, hiểu biết, tiếp cận và áp dụng thực hiện trách nhiệm xã hội chưa đầy đủ, thậm chí làm sai lệch ý nghĩa của trách nhiệm xã hội doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp chỉ nghĩ là đóng

góp làm từ thiện là đã thực hiện trách nhiệm xã hội mà chưa quan tâm đến điều kiện làm việc của lao động, xử lý chất thải công nghiệp, bảo đảm chất lượng sản phẩm như cam kết...

- Nhiều doanh nghiệp vi phạm nghiêm trọng các quy định của Nhà nước về quản lý lao động, bảo vệ môi trường, lợi ích của người tiêu dùng và cộng đồng. Nhiều doanh nghiệp chưa tạo được môi trường làm việc an toàn cho lao động và bảo đảm quyền lợi cho các đối tác... Theo kết quả điều tra xã hội học cho thấy, có 46,8% người lao động cho rằng điều kiện lao động thực tế vẫn gây ra ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người lao động, trong đó chủ yếu là do ảnh hưởng của bụi (70,4%), khí hậu (nóng bức, khó chịu 53,7%, độ ẩm cao 23,1%), tiếng ồn (52,8%)³. Từ kết quả trên, có thể thấy rõ sự “thờ ơ” của các doanh nghiệp trong công tác bảo đảm an toàn lao động tại công trình, nhà máy, xí nghiệp.

- Phần lớn các doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa lồng ghép thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp với sứ mệnh, mục tiêu, chiến lược, văn hóa của doanh nghiệp, chưa có kế hoạch cụ thể thực hiện trách nhiệm xã hội nên hiệu quả hoạt động chưa cao.

- Các doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa xây dựng bảng quy tắc ứng xử nội bộ cho cán bộ, công nhân của doanh nghiệp trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp nên bản thân người lao động chưa biết, chưa quan tâm đến việc thực hiện trách nhiệm xã hội của bản thân và doanh nghiệp. Mặt khác, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa áp dụng các bộ tiêu chuẩn quốc tế phù hợp với sản xuất của doanh nghiệp nên khả năng xuất, nhập khẩu hạn chế.

Các doanh nghiệp tư nhân hiện nay thường hướng đến sự lợi nhuận và thịnh vượng, rất ít doanh nghiệp quan tâm đến trách nhiệm xã hội; từng có quan điểm cho rằng “trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là tăng lợi nhuận”, tuy nhiên, tác giả cho rằng quan điểm này có sai sót; mọi thực thể tồn tại trong xã hội dưới mối tương quan với sự vật, hiện tượng khác nên phải bảo đảm quyền lợi của tất cả các chủ thể trong xã hội. Các doanh nghiệp toàn cầu ngày nay thường hướng đến tầm nhìn 3P cơ bản đó là con người (People), hành tinh (Planet), lợi nhuận (Profit). Nắm bắt xu hướng thế giới, nhiều doanh nghiệp ở Việt Nam đã và đang tích cực thực hiện “trách nhiệm xã hội”,

ngoài thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ, hàng hóa, các doanh nghiệp Việt Nam hướng quan tâm đến môi trường, đời sống lao động...

Không phải tự nhiên mà những doanh nghiệp Việt Nam thực hiện tốt trách nhiệm xã hội mà vì họ đã nhận thấy, về lâu dài, lợi nhuận và lợi tức đầu tư của công ty phải được xem xét trong bối cảnh rộng hơn, bao hàm những vấn đề về kinh tế, xã hội và trách nhiệm của công ty. Họ tự nguyện theo đuổi các mối quan tâm xã hội và môi trường, ngoài những yêu cầu theo quy định pháp luật, từ những thực hành về lao động và việc làm, các vấn đề môi trường như đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu, hiệu quả tài nguyên và phòng ngừa ô nhiễm, đấu tranh chống nạn hối lộ và tham nhũng, cho đến tham gia và phát triển cộng đồng. Như vậy, các doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội không chỉ đóng góp vào kết quả kinh tế, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm hòa nhập xã hội, môi trường bền vững và quản trị tốt thông qua chuỗi cung ứng. Những nguyên tắc này cũng được phản ánh trong Hiệp ước toàn cầu của Liên Hợp quốc, theo đó, các doanh nghiệp cam kết thực hiện 10 nguyên tắc

trong các lĩnh vực nhân quyền, lao động, môi trường và chống tham nhũng. Tất nhiên, tất cả những điều này là tin tốt cho xã hội nhưng nó cũng thường làm cho hoạt động kinh doanh có ý nghĩa thiết thực. Chúng ta đang sống trong một thế giới - nơi người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến dấu ấn môi trường và xã hội của các sản phẩm và dịch vụ mà họ tiêu thụ. Nhiều nhà đầu tư cũng tìm kiếm các tiêu chí về môi trường, xã hội và quản trị khi đưa ra quyết định đầu tư. Ví dụ, hầu hết các ngân hàng quốc tế - không chỉ Ngân hàng Thế giới (WB) mà cả các ngân hàng thương mại hàng đầu, như Citi và HSBC - đã cam kết góp phần giảm thiểu tác động đến khí hậu và đưa ra các chính sách để giảm thiểu nguồn tín dụng tài trợ cho các nhà máy than. Ngày càng có nhiều nhà đầu tư mạo hiểm tìm kiếm các doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam, nhằm mục đích kết hợp lợi nhuận với những đóng góp tích cực cho cộng đồng. Mục tiêu của họ rất rõ ràng: Những nhà đầu tư này muốn đóng góp cho xã hội, đồng thời tạo lợi nhuận. Vì vậy, chú ý đến những vấn đề này và bảo đảm doanh nghiệp phát triển mạnh, không chỉ về kinh tế mà cả về mặt xã hội và

môi trường, có thể mang lại những lợi ích tích cực.

Ngày nay, tại Việt Nam, chúng ta cũng bắt đầu thấy sự khởi đầu của một xu hướng hướng tới trách nhiệm lớn hơn của doanh nghiệp và ý thức đạo đức rộng hơn trong kinh doanh. Đặc biệt, một số doanh nghiệp lớn, bao gồm cả các công ty đa quốc gia và doanh nghiệp trong nước, đã thấy rõ để phát triển bền vững, họ cần tuân thủ những tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, quyền lao động, an toàn lao động, trả lương công bằng, quản lý người tài và phát triển cộng đồng.

Trong bối cảnh dịch bệnh nguy cấp suốt thời gian qua, từ khóa thu hút mọi sự quan tâm, chú ý của dân chúng, không gì khác chính là: “Covid-19”. Mọi tin tức về số ca lây nhiễm, tình hình dịch bệnh, công tác phòng bệnh... đều chiếm mọi spotlight, phủ sóng mọi mặt trận truyền thông: Báo, đài, tivi... và đương nhiên, trong số các tin tức về dịch bệnh cũng có sự phủ sóng đáng kể của tin tức về những đóng góp quý giá cho công cuộc chống dịch từ mọi miền Tổ quốc. Vậy thì, bằng việc đóng góp cho công cuộc chống dịch chung của toàn đất nước, các doanh nghiệp cũng đồng thời qua

đó mang thương hiệu của mình đến gần hơn với công chúng.

Không cần phải là một doanh nghiệp lớn để thực hiện các chiến lược kinh doanh có trách nhiệm. Ví dụ, doanh nghiệp khởi nghiệp Fablab tại Thành phố Hồ Chí Minh thúc đẩy đổi mới bằng cách trao quyền cho các nhà sáng chế - nhiều người trong số đó vẫn là sinh viên. Fablab đã tạo ra một không gian cho cộng đồng đồng đạo các nhà sáng chế được thử nghiệm, chế tạo và đưa ra giải pháp cho các vấn đề xã hội. Gần đây nhất, Fablab Saigon, cùng các đối tác của mình, đã tổ chức một sự kiện kéo dài 72 giờ để thiết kế giải pháp công nghệ cho trẻ em khuyết tật.

3. Định hướng và giải pháp thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm trong cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa

3.1. Định hướng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong thực hiện trách nhiệm xã hội

- Cần phát triển tầm nhìn về phát triển chiến lược trách nhiệm xã hội doanh nghiệp. Để thực hiện thành công các hoạt động trách nhiệm xã hội doanh nghiệp cần phải bắt nguồn từ người lãnh đạo doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ thành công trong

việc áp dụng trách nhiệm xã hội doanh nghiệp nếu có sự cam kết của ban lãnh đạo, thực sự hiểu rõ tầm quan trọng và lợi ích trách nhiệm xã hội doanh nghiệp sẽ mang lại trong dài hạn và biến trách nhiệm xã hội doanh nghiệp thành một phần văn hóa doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp cần lồng ghép việc thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp với sứ mệnh, mục tiêu, chiến lược, văn hóa của doanh nghiệp thông qua các chương trình đào tạo trách nhiệm xã hội cho toàn bộ nhân viên như việc đào tạo về đạo đức nghề nghiệp, về việc sử dụng hiệu quả năng lượng, giảm khí thải, ô nhiễm hay cách tạo ra môi trường làm việc an toàn. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng cần có bản đánh giá các chương trình trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, bản báo cáo hoạt động trách nhiệm xã hội doanh nghiệp tóm tắt hàng năm nhằm cung cấp cho nhân viên, khách hàng, các đối tác và cổ đông của doanh nghiệp những thông tin về chương trình trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và hiệu quả của các chương trình này đem lại.

- Doanh nghiệp cần xây dựng bảng quy tắc ứng xử nội bộ cho cán bộ, công nhân của doanh nghiệp

trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp. Bảng quy tắc này không những là cơ hội để doanh nghiệp đưa ra các cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp của doanh nghiệp mình mà còn được xem như việc doanh nghiệp đang lồng ghép các giá trị trách nhiệm xã hội doanh nghiệp vào văn hóa doanh nghiệp như thế nào.

- Doanh nghiệp cần cụ thể hóa chương trình hành động liên quan đến việc thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp bằng việc dự kiến ngân sách dành cho các hoạt động trách nhiệm xã hội doanh nghiệp dựa trên các chương trình trách nhiệm xã hội mà doanh nghiệp đã đưa ra.

- Doanh nghiệp cần gắn công tác quản trị doanh nghiệp với thực hiện trách nhiệm xã hội về thực hành lao động, bảo vệ môi trường và cộng đồng. Các chủ doanh nghiệp cần xác định các lợi ích của người lao động, lợi ích kinh tế và lợi ích của xã hội và sau đó là kết hợp hài hòa lợi ích của các nhóm có liên quan nhằm tạo ra một hình ảnh doanh nghiệp tốt hơn trong mắt công chúng và cộng đồng.

- Doanh nghiệp cần tạo điều kiện để nhân viên cùng tham gia thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp. Cụ

thể, doanh nghiệp có thể đưa các nội dung về thực hiện trách nhiệm xã hội trên khía cạnh thực hành lao động vào sổ tay nhân viên. Việc nhân viên cùng tham gia với doanh nghiệp trong thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp vừa có lợi ích trong việc đáp ứng nguyện vọng và mang lại ý nghĩa nhiều hơn cho công việc của họ, đồng thời cũng giúp nhân viên hiểu hơn về những cố gắng và nỗ lực của doanh nghiệp trong việc thực hành lao động phù hợp với trách nhiệm kỳ vọng của xã hội.

Tóm lại, theo chuẩn trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, doanh nghiệp Việt Nam nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng cần bảo đảm được cơ bản các tiêu chí như về môi trường, lao động, quản trị tổ chức và nhân quyền, kinh doanh trung thực, bảo vệ người tiêu dùng, gắn kết với cộng đồng. Do đó, để bảo đảm mối quan hệ lao động hài hòa, doanh nghiệp và người lao động cần tuân thủ pháp luật lao động, nguồn thu nhập bảo đảm, điều kiện làm việc thuận lợi, tổ chức công đoàn vững mạnh, thực hiện đầy đủ các chính sách lao động, xây dựng thỏa ước lao động tập thể tiến bộ, tiến hành thường xuyên đối thoại doanh nghiệp...

3.2. Giải pháp tiếp tục phát huy vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam và thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm

Để tiếp tục phát huy vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa, khắc phục các khó khăn, vướng mắc trong môi trường cạnh tranh, hội nhập hiện nay, cần quan tâm chú trọng một số giải pháp trọng tâm sau:

(i) Nhà nước tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm bảo đảm duy trì niềm tin và tăng cường đầu tư. Theo đó, cần bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Tăng cường cơ chế, chính sách khuyến khích thành lập doanh nghiệp; thu hẹp những lĩnh vực kinh doanh có điều kiện, tạo điều kiện để kinh tế tư nhân đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh trong những ngành, lĩnh vực, địa bàn mà pháp luật không cấm, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

(ii) Tiếp tục có các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp với yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp cũng như môi trường kinh

doanh. Theo đó, sự hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa phải dựa trên những nền tảng pháp lý, các quy định của pháp luật quốc gia, tuân thủ các cam kết quốc tế trong các hiệp định đa phương, song phương mà Việt Nam là thành viên. Việc hỗ trợ trên nguyên tắc này sẽ bảo đảm không tạo ra những rào cản pháp lý hay sự phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp.

(iii) Các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần tăng cường đầu tư và ứng dụng công nghệ trong việc lập sổ sách kế toán, khai thuế và hải quan điện tử, giao dịch ngân hàng qua Internet. Giải pháp này nhằm giảm chi phí giao dịch, kết nối và chia sẻ thông tin tài chính với các tổ chức tín dụng để dần minh bạch hóa thông tin tài chính, tạo lòng tin trên thị trường. Nâng cao chất lượng, trình độ quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và quản lý tài chính; tích cực tham gia các hiệp hội doanh nghiệp để tiếp cận thông tin về các chính sách, chương trình hỗ trợ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa của Chính phủ, Nhà nước cũng như các tổ chức tín dụng. Hoàn thiện quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng các tiêu

chuẩn tham gia chuỗi cung ứng của các đối tác lớn đặc biệt là khả năng tham gia vào chuỗi cung ứng mang tính toàn cầu.

(iv) Các ngân hàng cần tăng cường tìm kiếm và tiếp cận các nguồn vốn giá rẻ từ các chương trình, dự án ưu đãi của các tổ chức trong và ngoài nước. Điều này nhằm mục đích tài trợ cho các lĩnh vực kinh doanh đặc thù của các doanh nghiệp nhỏ và vừa được Chính phủ, Nhà nước chú trọng phát triển. Thiết kế các sản phẩm cho vay đặc thù phù hợp với đối tượng khách hàng là doanh nghiệp nhỏ và vừa theo từng nhóm ngành, nghề để có các giải pháp đáp ứng yêu cầu khách hàng một cách linh hoạt. Đồng thời, cải tiến, đơn giản hóa quy trình cho vay, yêu cầu thông tin cung cấp phù hợp với thực tế và có tư vấn, hướng dẫn chi tiết để các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể dễ dàng nắm bắt và thực hiện.

(v) Ngân hàng Nhà nước cần nghiên cứu các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bởi Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, song quy định về hỗ trợ tiếp cận vốn còn khá khiêm tốn, thiếu cơ sở triển khai trong thực

tế. Bên cạnh đó, các tổ chức tín dụng cần tăng cường thực hiện hiệu quả các văn bản điều hành của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10/5/2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

(vi) Thúc đẩy sự phát triển của thị trường vốn. Cần thực hiện các biện pháp khuyến khích sự phát triển thị trường vốn để tạo điều kiện cho doanh nghiệp huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu, cổ phiếu, cũng như các quỹ đầu tư, giảm sự lệ thuộc quá nhiều vào nguồn vốn vay ngân hàng. Trong đó, cần tập trung thúc đẩy sự phát triển dịch vụ định mức tín nhiệm nhằm hỗ trợ thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu, nâng cao tính công khai minh bạch, thúc đẩy huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán, bảo vệ quyền và lợi ích của nhà đầu tư.

(vii) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực

thuế, hải quan. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuế thông qua ban hành chế độ quản lý rủi ro đối với các doanh nghiệp thuộc đối tượng thanh tra/kiểm tra về thuế; tiếp tục sửa đổi quy định về hồ sơ hoàn thuế, phần mềm hỗ trợ công tác tự động xây dựng báo cáo hồ sơ hoàn thuế; nộp hồ sơ hoàn thuế qua mạng; xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý công tác hoàn thuế và thực hiện công khai để người được hoàn thuế biết được thông tin về tình trạng giải quyết hồ sơ hoàn thuế. Triển khai đồng bộ, rộng khắp ứng dụng công nghệ thông tin trong kê khai, nộp thuế, hoàn thuế, thanh toán tiền thuế qua di động, thanh toán qua Internet. Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để bảo đảm việc triển khai đầy đủ hệ thống thông quan điện tử.

(viii) Cần khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến. Hoàn thiện và bảo đảm thực thi hiệu quả pháp luật về sở hữu trí tuệ; phát triển các quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ; áp dụng chính sách thuế, hỗ trợ tài chính, tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi phù hợp với hoạt động nghiên

cứu, đổi mới, hiện đại hóa công nghệ; kết nối doanh nghiệp, ý tưởng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo với các nhà đầu tư, quỹ đầu tư.

Để thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam, cần nghiên cứu và thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, Nhà nước cần bảo đảm hoạt động cho chương trình kinh doanh có điều kiện như ban hành Chương trình hành động quốc gia về hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức xã hội trong việc thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm qua các cơ chế ưu đãi, tự quản, giám sát, thanh tra công bằng và hiệu quả, giải quyết vướng mắc và khiếu nại, tăng cường các hoạt động nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công chức về thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

Thứ hai, đối với cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa, cần thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm với việc xây dựng cơ chế, kế hoạch của doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhỏ

và vừa tham gia các chuỗi cung ứng. Đồng thời, xây dựng cơ chế tự khắc phục và phòng ngừa, như thủ tục và nguyên tắc giải quyết khiếu nại của doanh nghiệp nhỏ và vừa quy chế và quy tắc về quản trị nội bộ, ứng xử, đạo đức kinh doanh. Xây dựng các phương án thực hành tiết kiệm theo quy định của pháp luật và xu hướng của quốc tế.

Thứ ba, đối với giải pháp về cơ chế tư pháp, cần củng cố các nguyên tắc về chứng cứ và trách nhiệm cung cấp chứng cứ trong hoạt động tố tụng dân sự và hành chính tạo điều kiện cho bên yếu thế khi thực hiện quyền khiếu nại tại Tòa án. Thúc đẩy áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp trong các lĩnh vực lao động, bảo vệ người tiêu dùng. Nghiên cứu mô hình và thủ tục tố tụng thân thiện, dễ tiếp cận với trẻ

em, người khuyết tật, người thiếu số, lao động di cư. Xây dựng cơ chế khiếu nại tập thể trong lĩnh vực môi trường, đầu tư và bảo vệ người tiêu dùng. Nâng cao năng lực giải quyết các vụ án có liên quan đến việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm cho đội ngũ thẩm phán.

Bên cạnh đó, báo cáo đánh giá cũng đưa ra các giải pháp về cơ chế phi tư pháp để khắc phục, ngăn ngừa và giảm thiểu như xây dựng chính sách và quy định pháp luật về thúc đẩy cơ chế trọng tài và hòa giải chuyên ngành lao động, thương mại. Xây dựng các biện pháp để tăng cường tính hiệu quả của cơ chế giải quyết khiếu nại tại cơ quan nhà nước. Thúc đẩy cơ chế tiếp nhận và xử lý khiếu nại, vướng mắc từ người dân và doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các cơ quan quản lý nhà nước □

1. So sánh giữa doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa và nhỏ, <https://replus.vn/so-sanh-doanh-nghiep-lon-va-doanh-nghiep-vua-va-nho/>, truy cập ngày 10/5/2024.

2. Trách nhiệm xã hội (CSR) của doanh nghiệp nhỏ và vừa, <http://kinhte.saodo.edu.vn/nghien-cuu-khoa-hoc/trach-nhiem-xa-hoi-csr-cua-doanh-nghiep-nho-va-vua-320.html>, truy cập ngày 10/5/2024.

3. Điều tra Quốc gia về Lao động trẻ em lần thứ hai: Tỷ lệ lao động trẻ em của Việt Nam thấp hơn 2% so với trung bình của khu vực, <https://www.ilo.org/vi/resource/news/ty-le-lao-dong-tre-em-cua-viet-nam-thap-hon-2-so-voi-trung-binh-cua-khu-vuc>, truy cập ngày 10/5/2024.